

## All About Gaming

Inspired by the rigorous quality testing in the production of the MSI Gaming series, the MSI design is full of symbols of sturdiness and durability. Additionally, to provide a quality user experience, the MSI gaming series has a straightforward installation process and a friendly user interface and will be the best choice for entry-level gamers to step into the game world.



Picture and logos

## SELLING POINTS

- Ultra Rapid IPS – Được trang bị tấm nền Oxide để mang lại chất lượng hình ảnh tốt hơn với thời gian phản hồi nhanh.
- Tốc độ quét hình 180Hz – Phản hồi nhanh hơn với khung hình mượt mà hơn.
- Thời gian phản hồi GTG 1ms – Loại bỏ hiện tượng xé hình và giật khung hình.
- Bao phủ dải màu rộng – Màu sắc và chi tiết trong trò chơi sẽ trông chân thực và tinh tế hơn.
- Adaptive Sync – Ngăn chặn hiện tượng xé hình hoặc giật hình, mang lại trải nghiệm chơi game cực kỳ mượt mà, không bị giật.
- Night Vision – Bộ điều chỉnh màu đen thông minh giúp các cảnh tối bừng sáng như ban ngày bằng cách làm nổi bật các chi tiết nhỏ ở vùng tối.
- Thiết kế không viền – Tận hưởng trải nghiệm chơi game đỉnh cao với viền siêu mỏng.
- Chống nháy hình và giảm ánh sáng xanh – Chơi game lâu hơn và ngăn ngừa mỏi mắt.
- Góc nhìn rộng 178° – Màu sắc và chi tiết sẽ sắc nét ở nhiều góc nhìn hơn với góc nhìn rộng 178°.



1. 5-way joystick navigator
2. DC jack
3. 2 x HDMI™ (2.0b)
4. 1 x Display Port (1.2a)
5. Headphone out
6. Kensington lock



MÀN HÌNH  
G2712F  
G 2 7 1 2 F

SPECIFICATION

|                                         |                                                |                            |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|
| Model                                   | Part No                                        | 9S6-3CD61T-001             |
|                                         | MKT Name                                       | G2712F                     |
|                                         | MKT Spec                                       | G2712F                     |
|                                         | Color                                          | ID1/Black-Black            |
| I/O Ports                               | HDMI™                                          | 2                          |
|                                         | HDMI™ version                                  | 2.0b                       |
|                                         | HDMI™ HDCP version                             | 2.3                        |
|                                         | DisplayPort                                    | 1                          |
|                                         | DisplayPort version                            | 1.2a                       |
|                                         | DisplayPort HDCP version                       | 2.3                        |
|                                         | Headphone-out                                  | 1                          |
|                                         | Lock type                                      | Kensington Lock            |
| Warranty                                | Warranty                                       | 36M                        |
| Dimension & Weight                      | Inside Carton Dimension (WxDxH) (inch)         | 26.89 x 6.18 x 18.23       |
|                                         | Weight (Net kg)                                | 4.2                        |
|                                         | Weight (Gross kg)                              | 6.1                        |
| Power                                   | Power Type                                     | External Adaptor 20V 2.25A |
|                                         | Power Input                                    | 100~240V, 50/60Hz          |
|                                         | Energy Efficiency Rating                       | E                          |
|                                         | Adapter's KC safety Number                     | SU10469-15001              |
|                                         | Power Cord Type                                | C5                         |
| In The Box                              | 3.5mm Mic Cable                                | 0                          |
|                                         | Switch Case                                    | 0                          |
|                                         | Portable Screen Protection Case                | 0                          |
|                                         | Monitor Hood                                   | 0                          |
|                                         | Speaker (Accessories)                          | 0                          |
|                                         | DisplayPort Cable                              | 0                          |
|                                         | HDMI™ Cable                                    | 1                          |
|                                         | DVI Cable                                      | 0                          |
|                                         | USB Type A to Type B Cable                     | 0                          |
|                                         | USB Type C to Type A Cable                     | 0                          |
|                                         | USB Type C to Type C Cable                     | 0                          |
|                                         | Thunderbolt Cable                              | 0                          |
|                                         | VGA Cable                                      | 0                          |
|                                         | 3.5mm audio Cable                              | 0                          |
|                                         | 3.5mm combo audio Cable                        | 0                          |
|                                         | Mouse Bungee Unit                              | 0                          |
|                                         | VESA Screw                                     | 0                          |
|                                         | Power Cord                                     | 1                          |
|                                         | AC Adaptor                                     | 1                          |
|                                         | Warranty Card                                  | 0                          |
|                                         | Quick Guide                                    | 1                          |
| Design                                  | Adjustment (Tilt)                              | -5° ~ 20°                  |
|                                         | VESA Mounting                                  | 100x100mm                  |
|                                         | Frameless Design                               | Yes                        |
| Outer Carton Dimension (WxDxH)          | Outer Carton Dimension (WxDxH) (inch)          | 27.48 x 6.77 x 19.21       |
| Weight                                  | Weight Without Stand (kg)                      | 3.4                        |
| Product Dimension with Stand (WxDxH)    | Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)      | 614 x 229 x 456            |
|                                         | Product Dimension with Stand (WxDxH) (inch)    | 24.17 x 9.02 x 17.95       |
| Stand Dimension (WxDxH)                 | Stand Dimension (WxDxH) (mm)                   | 476 x 229 x 268            |
|                                         | Stand Dimension (WxDxH) (inch)                 | 18.74 x 9.02 x 10.55       |
| Product Dimension without Stand (WxDxH) | Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)   | 614 x 45 x 369             |
|                                         | Product Dimension without Stand (WxDxH) (inch) | 24.17 x 1.77 x 14.53       |
| Barcode Info                            | EAN                                            | 4711377133104              |
|                                         | UPC                                            | 824142336311               |
|                                         | UCC14                                          | 10824142336318             |